**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH THÁI BÌNH**

**Năm 2013**

1. I.**THÔNG TIN CHUNG**:

**1.** **Thông tin khái quát:**

-                     Tên giao dịch: Công ty cổ phần xe khách Thái Bình.

-                     Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1000214980

-                     Vốn điều lệ: 14.125.054.116 đồng

-                     Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 14.125.054.116 đồng

-                     Địa chỉ: Số 167, phố Trần Thái Tông, Phường Trần Hưng Đạo, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

-                     Số điện thoại: 0363.845988

-                     Số Fax: 0363.831480

-                     Website: wwwxekhachthaibinh.com

-                     Mã cổ phiếu:

**2.** **Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty cổ phần xe khách Thái Bình là doanh nghiệp cổ phần, được thành lập theo Quyết định số 1767/2000/QĐ-UB ngày 25 tháng 12 năm 2000 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

          Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp xe khách Thái Bình được thành lập theo Quyết định số 12/TC ngày16/03/1974, sau 20 năm hoạt động đổi tên thành Công ty vận tải ôtô khách Thái Bình theo Quyết định số 84/QĐ-UB ngày 20/03/1993 của UBND Tỉnh Thái Bình. Đến tháng 12/2000, thực hiện chủ trương của Tỉnh trong việc đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, Công ty là đơn vị thứ 2 của Tỉnh thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp và bắt đầu hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/01/2001. Đó là những mốc son đánh dấu chặng đường xây dựng và phát triển của Công ty. Sau 40 năm hoạt động và phát triển, tập thể Công ty Cổ phần xe khách Thái Bình luôn tìm những hướng đi đúng đắn và vững chắc, luôn thể hiện vai trò của mình đối với đời sống chính trị kinh tế ở một tỉnh đồng bằng có mật độ dân số đông mà không có giao thông đường sắt.

**3.** **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hoá và dịch vụ bằng ôtô

- Kinh doanh dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng và đóng mới bệ ôtô khách.

- Kinh doanh dịch vụ đại lý xăng, dầu, mỡ các loại.

Địa bàn kinh doanh: Vì tính chất ngành nghề kinh doanh vận tải hành khách mà địa bàn kinh doanh của Công ty được mở rộng theo các tuyến đường xe chạy. Địa bàn kinh doanh chính của Công ty là: Tỉnh Thái Bình, TP Hà Nội, Thái Nguyên, Phú Thọ, Đắc lắc…

**4.** **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh của Công ty và để thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh, các cấp lãnh đạo Công ty đã tổ chức và dần dần hoàn thiện bộ máy quản lý ở Công ty.

Hiện nay Công ty có các bộ phận sau :

-         Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc điều hành

-         Phòng Tổ chức hành chính

-         Phòng Kế hoạch - kỹ thuật

-         Phòng Tài chính - kế toán

-         Đội xe

-         Phân xưởng sửa chữa

-         Tổ dịch vụ vật tư

Các bộ phận này được tổ chức theo mô hình sau :

|  |
| --- |
|  |
|  |  |

 chịu sự quản lý trực tiếp của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành. Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chung của toàn Công ty các phòng ban đều thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình.

1. **5.Định hướng phát triển:**

**\*Các mục tiêu chủ yếu Công ty**: Với mục tiêu thúc đẩy sự phát triển bền vững, ổn định hoạt động vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định của Công ty cổ phần xe khách Thái Bình để tiếp tục khẳng định là một đơn vị hàng đầu trong hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định của ngành GTVT Thái Bình;

- Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các phương tiện vận tải nhằm giữ vững thị phần vận tải hành khách theo tuyến cố định trên c¬ sở tăng cường sức mạnh của toàn thể Ban lãnh đạo và CBCN trong công ty nhằm phát huy tối đa nội lực, ý thức trách nhiệm của mỗi thành viên.

- Nâng cao sản lượng đi đôi với chất lượng dịch vụ phục vụ hành khách thông qua các dự án đầu tư phương tiện chất lượng cao phục vụ cho các tuyến trong điểm để mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Đa dạng hoá ngành nghề và phát triển các phương thức vận tải khác như xe buýt, taxi, xe đưa đón cán bộ, công nhân, học sinh, sinh viên, hợp đồng du lịch.v.v...

- Phát triển thêm các ngành nghề phụ trợ cho hoạt động vận tải.

- Quy hoạch nguồn vốn, nguồn nhân lực, sử dụng đồng vốn có hiệu quả, bảo đảm việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

- Đảm bảo an toàn giao thông tuyệt đối trong quá trình hoạt động, không để xảy ra trường hợp vi phạm Luật Giao thông đường bộ.

- Hoàn thành các khoản giao nộp Ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2014.

**\* Chiến lược phát triển trung và dài hạn**:

-Về hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải.

Tăng cường huy động nguồn vốn đầu tư đổi mới phương tiện chất lượng cao trang bị cho các tuyến trọng điểm. Phấn đấu trong nh÷ng n¨m tới phải đầu tư thêm các phương tiện chất lượng cao loại 2 tầng để phục vụ các tuyến liên tỉnh phía Nam. Hoàn thiện việc bổ sung, thay thế phương tiện cho tuyến chất lượng cao Thái Bình – Giáp Bát, Thái Bình- Thái Nguyên. Có phương án đầu tư thay thế phương tiện đang hoạt động trên các tuyến liên vận huyện đi Hà Nội. Xây dựng tuyến xe buýt nội tỉnh để đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân trong tỉnh.

Mở rộng quy mô và đa dạng hoá hình thức hoạt động vận tải. Mở thêm các luồng tuyến có trọng điểm, cắt bỏ những tuyến kinh doanh có hiệu quả thấp.

Tăng cường quản lý hoạt động của các phương tiện bằng công cụ quản lý, thiết bị giám sát để nâng cao hiệu suất phương tiện đồng thời có quy chế khuyến khích về vật chất đối với các phương tiện hoạt động có hiệu quả cao. Xử lý nghiêm khắc các trường hợp vị phạm nội quy, quy chế làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của công ty.

- Về hoạt động của Xưởng BDSC.

Căn cứ vào nhiệm vụ và kế hoạch SXKD hàng năm, các bộ phận liên quan cần xây dựng kế hoạch BDSC, định mức chi phí vật tư, công lao động, các cấp sửa chữa cho phù hợp với từng chủng loại xe. Có trách nhiệm triển khai kế hoạch được giao cho từng tổ thợ. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát khi phương tiện vào sửa chữa, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, thời gian và yêu cầu kỹ thuật, không để ảnh hưởng đến nhiệm vụ chung của công ty. Mở thêm ngành nghề phụ trợ tạo việc làm và thu nhập cho người lao động. Đảm bảo tuyệt đối công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

- Về hoạt động dịch vụ, vật tư.

Để đảm bảo phục vụ tốt công tác SXKD vận tải, tổ dịch vụ phải đảm bảo đầy đủ, kịp thời lượng nhiên liêu, dầu mỡ và vật tư các loại để cung cấp cho phương tiện của Công ty hoạt động, chủ động có kế hoạch ký hợp đồng với các đơn vị kinh doanh xăng dầu để tạo ổn định về giá cả nhiên liệu. Tìm hiểu thị trường và nhu cầu về vật tư để có kế hoạch cung cấp kịp thời cho các phương tiện khi BDSC các cấp.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013:**

**1.Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Các chỉ tiêu thực hiện trong năm 2013:

\* Về vận tải:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Số lượng** | **ĐVT** | **T.lệ % so KH 2013** |
| 1 | Số chuyến thực hiện | 21.742 | Chuyến | 90 |
| 2 | Kh.lượng vận chuyển | 852.000 | HK | 103 |
| 3 | Kh.lượng luân chuyển | 90.900.000 | HK.Km | 96 |
| 4 | Tổng doanh thu | 31,39 | Tỷ đồng | 98% |
| 5 | Tổng chi phí | 31,786 | Tỷ đồng |  |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | -0,  396 | Tỷ đồng |  |
| 7 | Nộp NSNN | 1,8 | Tỷ đồng |  |
| 8 | Thu nhập bình quân | 3,8 | trđ/ng/thg | 100 |
| 9 | Lãi chia cổ tức | 0 | % | 0 |

\* Về hoạt động bảo dưỡng sửa chữa:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Số lần** |
| 1 | Đại tu máy | 4 |
| 2 | BD cấp 2 | 246 |
| 3 | Sửa chữa đột xuất | 240 |
| 4 | Sửa chữa sàn xe | 5 |
| 5 | Sửa chữa bảo dưỡng dvụ | 540 |

**\* Nguyên nhân dẫn đến việc không đạt các chỉ tiêu so với kế hoạch**:

Cùng với những khó khăn chung đối với hoạt động vận tải như đã nêu trên. Những yếu tố khách quan đó đã làm ảnh hưởng đến SXKD của công ty và làm nảy sinh những nguyên nhân trong hoạt động điều hành, cụ thể:

- Chi phí vận tải đầu vào trong năm 2013 tăng cao, làm tăng giá vốn vận tải, trong khi mức doanh thu khoán cho anh em lái xe trong năm không tăng. Thị phần vận tải của Công ty bị thu hẹp do sự cạnh tranh thiếu lành mạnh của các Công ty vận tải tư nhân trong tỉnh.

- Mặc dù Ban giám đốc Công ty đã cố gắng, nỗ lực rất nhiều trong việc lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động vận tải khách – hoạt động SXKD chủ đạo của Công ty, hạn chế tới mức thấp nhất việc mất tuyến, mất lượt xe chạy, ảnh hưởng đến doanh thu nhưng vẫn không tránh khỏi việc xe hỏng đột xuất, thiếu xe dự phòng thay thế, khiến cho số lượt xe chạy thực tế giảm so với kế hoạch.

- Tình trạng cung vượt cầu trong thị trường vận tải đã gây khó khăn cho mỗi đầu phương tiện trên mỗi tuyến. Mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt, doanh thu không đảm bảo là nguyên nhân chính xảy ra tình trạng lái xe nợ đọng doanh thu.

- Bộ máy quản lý chưa gọn nhẹ, công việc thực hiện của một số bộ phận chưa có hiệu quả cao, chưa có sự thống nhất cao trong việc giải quyết công việc giữa các bộ phận chuyên môn với nhau.

- Phương tiện đầu tư mới nhưng mới sử dụng một thời gian ngắn đã lạc hậu, không phù hợp với thị hiếu người sử dụng. Do khó khăn về nguồn vốn vay và huy động nên công ty chỉ đầu tư được phương tiện sản xuất, lắp ráp trong nước có độ bền, độ tin cậy chưa cao, thường xảy ra những hư hỏng ngoài ý muốn làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch hàng tháng.

Trước những nguyên nhân trên về tình hình hoạt động kinh doanh thua lỗ năm 2013, ngoài những nguyên nhân khách quan còn một số hạn chế về chủ quan là do  Ban Điều hành nhiệm kỳ cũ còn chưa quyết liệt trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh dẫn đến hoạt động kinh doanh thua lỗ, chưa có biện pháp cải thiện cụ thể  và khả thi.

Để hoạt động công ty kinh doanh có hiệu quả, Ban Giám đốc đã xây dựng chiến lược kế hoạch cụ thể chi tiết kế hoạch kinh doanh năm 2014 để cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh từng bước ổn định.

**2. Tổ chức và nhân sự:**

**- Danh sách Ban điều hành:**

**1. Ông Phan Thế Hùng - Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Thông tin** |
| 1 | Họ tên | Phan Thế Hùng |
| 2 | Năm sinh | 1966 |
| 3 | Nam/Nữ | Nam |
| 4 | Quê quán | Đông Lâm – Tiền Hải – Thái Bình |
| 5 | Nơi ở hiện nay | L4/3, Tổ 28, P.Trần Hưng Đạo, TPTB |
| 6 | Trình độ học vấn | KS kinh tế vận tải ôtô |
| 7 | Chức vụ tại doanh nghiệp | Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2007-2012  Kiêm Giám đốc điều hành |
| 8 | Chức vụ khác | Bí thư Đảng uỷ |
| 9 | Tỉ lệ sở hữu CP có biểu quyết | 0.25% |

**2. Ông Bùi Duy Hoàn - Phó giám đốc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Thông tin** |
| 1 | Họ tên | Bùi Duy Hoàn |
| 2 | Năm sinh | 1976 |
| 3 | Nam/Nữ | Nam |
| 4 | Quê quán | Xã An Ninh –Tiền Hải – Thái Bình |
| 5 | Nơi ở hiện nay | S114Tổ 14-Hoàng Văn Thái- TP Thái Bình |
| 6 | Trình độ học vấn | Cử nhân luật, cử nhân QTKD |
| 7 | Chức vụ tại doanh nghiệp | Phó giám đốc công ty |
| 8 | Chức vụ khác | Phó bí thư Đảng uỷ |
| 9 | Tỉ lệ sở hữu CP có biểu quyết | 0.25% |

**3. Bà Đào Thị Tuyết Thanh – Phú chủ tịch H** **ĐQT, Kế toán trưởng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Thông tin** |
| 1 | Họ tên | Đào Thị Tuyết Thanh |
| 2 | Năm sinh | 1978 |
| 3 | Nam/Nữ | Nữ |
| 4 | Quê quán | Phường Tiền phong - TPTB |
| 5 | Nơi ở hiện nay | Tổ 11- Phường Tiền phong - TPTB |
| 6 | Trình độ học vấn | Cử nhân kinh tế |
| 7 | Chức vụ tại doanh nghiệp | Phó chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2007-2012  Kế toán trưởng công ty |
| 8 | Chức vụ khác | Phó chủ tịch công đoàn |
| 9 | Tỉ lệ sở hữu CP có biểu quyết | 0.25% |

**4. Ông Bùi Cao Độ - Đội trưởng đội xe**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Thông tin** |
| 1 | Họ tên | Bùi Cao Độ |
| 2 | Năm sinh | 1956 |
| 3 | Nam/Nữ | Nam |
| 4 | Quê quán | Đông Trung – Tiền Hải - Thái Bình |
| 5 | Nơi ở hiện nay | 11/32 – Tổ 21 – Trần Hưng Đạo TPTB |
| 6 | Trình độ học vấn | Trung cấp cơ khí ôtô |
| 7 | Chức vụ tại doanh nghiệp | Đội trưởng đội xe |
| 8 | Chức vụ khác | Bí thư chi bộ Đội xe công ty |
| 9 | Tỉ lệ sở hữu CP có biểu quyết | 0.25% |

**5. Ông Phạm Ngọc Chiển - Trưởng phòng Tổ chức hành chính**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Thông tin** |
| 1 | Họ tên | Phạm Ngọc Chiên |
| 2 | Năm sinh | 1974 |
| 3 | Nam/Nữ | Nam |
| 4 | Quê quán | Thái Thuỵ – Thái Bình |
| 5 | Nơi ở hiện nay | Phường Lê Hồng Phong - TPTB |
| 6 | Trình độ học vấn | Cao đẳng |
| 7 | Chức vụ tại doanh nghiệp | Trưởng phòng Tổ chức – hành chính |
| 8 | Chức vụ khác | Bí thư chi bộ văn phòng |
| 9 | Tỉ lệ sở hữu CP có biểu quyết | 0.25% |

**6. Ông Trần Danh Thiết - Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Thông tin** |
| 1 | Họ tên | Trần Danh Thiết |
| 2 | Năm sinh | 1979 |
| 3 | Nam/Nữ | Nam |
| 4 | Quê quán | An Bài – Quỳnh Phụ – Thái Bình |
| 5 | Nơi ở hiện nay | Phường Tiền phong – TP Thái Bình |
| 6 | Trình độ học vấn | Kỹ sư kinh tế vận tải ôtô |
| 7 | Chức vụ tại doanh nghiệp | Trưởng phòng Kế hoạch – kỹ thuật |
| 8 | Chức vụ khác | Phó bí thư chi bộ văn phòng |
| 9 | Tỉ lệ sở hữu CP có biểu quyết | 0.067% |

**7. Ông Nguyễn Văn Đức – Quản đốc xưởng sửa chữa**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Thông tin** |
| 1 | Họ tên | Nguyễn Văn Đức |
| 2 | Năm sinh | 1957 |
| 3 | Nam/Nữ | Nam |
| 4 | Quê quán | Vũ Vân – Vũ Thư – Thái Bình |
| 5 | Nơi ở hiện nay | 42, Lê lợi – P. Đề Thám – TP Thái Bình |
| 6 | Trình độ học vấn | Thợ kỹ thuật bậc 7/7 |
| 7 | Chức vụ tại doanh nghiệp | Quản đốc phân xưởng, Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2007-2012. |
| 8 | Chức vụ khác | Bí thư chi bộ xưởng sửa chữa |
| 9 | Tỉ lệ sở hữu CP có biểu quyết | 0.25% |

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 115 người, Trong đó:

+ Trình độ Đại học: 15 người

+ Trình độc Cao đẳng: 6 người

+ Trình độ trung cấp: 17 người

+ Thợ bậc 7/7: 5 người

+ Lái xe bậc 4/4: 19 người

+ Thợ và lái xe các bậc khác: 53 người

**3. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:** Trong năm 2013, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư cho 02 dự án:

- Dự án thay thế phương tiện tuyến liên vận huyện Thái Bỡnh - Giỏp Bỏt với tổng đầu tư là 3,4 tỷ đồng.

- Dự án cải tạo lại bệ xe K46 Giáp Bát – Hà Nội.

**4. Tình hình tài chính:**

**a, Tình hình tài chính:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2012** | **Năm 2013** | **% tăng giảm** |
| Tổng giá trị tài sản  Doanh thu thuần  Lợi nhuận từ HĐKD  Lợi nhuận khác  Lợi nhuận trước thuế  Lợi nhuận sau thuế  Tỉ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 24.689.450.599  29.487.173.657  (1.697.013.015)  961.360.650  (735.652.365)  (735.652.365)  (6.450) | 24.812.462.366  29.693.925.119  (924.925.962)  528.311.897  (396.614.065)  (396.614.065)  (3.477) | 100.5%  100.7%  55% |

**b, Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các chỉ tiêu** | **Năm 2012** | **Năm 2013** | **Ghi chú** |
| 1.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán  + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn  + Hệ số thanh toán nhanh  TSLĐ- Hàng tồn kho  Nợ ngắn hạn | 0,55  0,544 | 0,77  0,768 |  |
| 2.Chỉ tiêu về cơ cấu vốn  + Hệ số Nợ/Tổng tài sản  + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,67  2,06 | 0,65  1,86 |  |
| 3.Chỉ tiêu về năng lực hoạt động  + Vòng quay hàng tồn kho:  Giá vốn hàng bán  Hàng tồn kho bình quân  +Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 696,3  1,194 | 9786,15  1,197 |  |
| 4.Chỉ tiêu về khả năng sinh lời  + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần  + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu  + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản  + Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần | -0,025  -0,09  -0,03  -0,025 | -0,013  -0,05  -0,016  -0.03 |  |

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a, Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần: 141.250,54 cổ phần

- Mệnh giá cổ phần: 100.000đ/1CP

- Loại cổ phần đang được lưu hành: cổ phần phổ thông

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 141.250,54 cổ phần

**b, Cơ cấu cổ đông:**

- Cổ đông lớn: cổ đông Nhà nước:  84.189,75 cổ phần, chiếm 59,6% tổng số cổ phần.

     - Cổ đông cá nhân: 34.840 cổ phần, chiếm 24,6% tổng số cổ phần

**c, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**d, Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

      - Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 12.311,27cổ phiếu, chiếm 8,7% tổng số cổ phần.

      - Các giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2013: Không có.

**e, Các chứng khoán khác**: Không có

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:**

1. **1.Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013, có thể nói rằng các chỉ tiêu thực hiện trong n¨m qua đã không đạt được kết quả như mong muốn bới một số nguyên nhân cụ thể như sau:

- Mặc dù tổng doanh thu trong năm 2013 tăng cao, vượt 0,7% so với năm 2012 nhưng do chi phí vận tải đầu vào như giá xăng dầu, phụ tùng vận tải, lương và các khoản trích theo lương, lãi suất ngân hàng, chính sách thuế của Nhà nước trong năm cũng tăng cao, khiến cho kết quả SXKD năm 2013 không đạt như kế hoạch, lợi nhuận không có.

- Trong năm, Ban lãnh đạo công ty đã chú trọng đầu tư thay thế phương tiện tuyến liên vận huyện 02 ph­¬ng tiÖn vËn t¶i kh¸ch giường nằm đáp ứng nhu cầu thị hiếu của khách hang tăng doanh thu cho Công ty, Điều phối phương tiện tuyến chủ đạo Thái Bình – Giáp Bát. Đảm bảo đủ xe trên biểu đồ chạy xe trong ngày nên số chuyến xe không thực hiện được do thiếu xe của tuyến này giảm rất nhiều. Bên cạnh đó doanh thu của tuyến Thái Bình – Thái Nguyên, Thái Bình - Đăklăk… trong năm cũng tương đối ổn định.

- Do trong năm 2013, ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng đến việc truyên truyền, giáo dục luật giao thông đường bộ cũng như nội quy, quy chế Công ty đến từng người lao động trong toàn Công ty. Ban hành nhiều quy chế khen thưởng, kỷ luật chặt chẽ, phân minh phù hợp với tình hình mới. Đã góp phần nâng cao ý thức chấp hành nội quy, quy chế của c¸c lái xe, tình trạng lái xe nợ đọng doanh thu được cải thiện rất nhiều so với năm 2012. Tình trạng lái xe tự ý bỏ tuyến nốt đi khai thác hợp đồng bên ngoài không còn. Ban lãnh đạo Công ty cũng đã phối hợp với Công đoàn Công ty phát động nhiều phong trào thi đua trong người lao động như phong trào: “Giữ gìn xe tốt – Lái xe an toàn”, “ Lao động giỏi”…Cũng từ những phong trào này mà người lái xe cũng như thợ sửa chữa trong toàn Công ty đã nâng cao ý thức giữ gìn phương tiện vận tải. Bảm bảo phương tiện vận tải khách của Công ty luôn sạch sẽ, thoáng đẹp, các lái xe luôn có thái độ lịch sự, hòa nhã với hành khách, tăng đáng kể lượng hành khách đi xe của Công ty.

**2. Tình hình tài chính:**

**a, Tình hình tài sản**: Tính đến ngày 31/12/2013, Tổng tài sản của Công ty đạt  24,8 tỷ đồng, tăng 0,5% với năm 2012. Các tài sản tăng trong năm là do các nguyên nhân sau:

-  Tăng các khoản phải thu ngắn hạn là 2.627 triệu đồng

-  Giảm nguyên giá tài sản cố định là 1.148 triệu đồng

**b, Tình hình nợ phải trả:** Tổng số nợ dài hạn tính đến 31/12/2013 của Công ty là 9,272 tỷ đồng, tăng lên 0,035 tỷ đồng là do trong năm 2013, Công ty đã đầu tư thêm phương tiện vận tải phục vụ SXKD và đã huy động vốn vay của Ngân hàng ngoại thương TB, bên cạnh đó Công ty đã thanh toán đúng hạn những khoản vay dài hạn đến hạn trả với Ngân hàng vì vậy số nợ dài hạn tăng trong năm 2013 không đáng kể. Nợ ngắn hạn năm 2013 giảm so với năm 2012 là 0,506 tỷ đồng do khoản phải trả người bán giảm nhiều vào cuối năm 2013. Trong năm 2013, Công ty không có tình trạng nợ xấu xảy ra.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Tổ chức lại bộ máy theo hướng sử dụng có hiệu quả nguồn lực con người, nguồn lực tài sản, tài chính, hỗ trợ cho định hướng trọng tâm. Duy trì và chú trọng đến việc giữ vững niềm tin của khách hàng với Công ty thông qua việc tiếp tục tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất đối với đội ngũ lái xe và nhân viên phục vụ trên xe.

Đi đôi với việc củng cố bộ máy tổ chức, mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn hơn, phù hợp với điều kiện mới, công tác nhân sự của HĐQT, BKS, Ban Lãnh đạo công ty sẽ có sự bổ sung, sắp xếp, điều chỉnh cho phù hợp với công việc. Xây dựng và ban hành chính sách mới về lương, thưởng, công tác tuyển dụng và đào tạo đội ngũ kế cận của Công ty. Để hỗ trợ cho các chương trình chính nhân sự, Công ty sẽ cùng các tổ chức đoàn thể trong Công ty chú trọng hơn nữa đời sống tinh thần của người lao động, điều kiện làm việc, môi trường làm việc, sinh hoạt tập thể để tạo sự thoải mái, vui vẻ, tiện nghi nhưng nghiêm túc, kỷ luật hơn trong Công ty.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

a) Về công tác quản lý và tổ chức sản xuất.

 Kiện toàn lại bộ máy quản lý có sự phân công chức năng nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong bộ máy, đảm bảo vừa tinh giảm gọn nhẹ vừa làm việc có hiệu quả. Xây dựng quy chế làm việc tạo mối gắn kết giữa các phòng ban trong bộ máy. Đối với các tổ trưởng sản xuất đa số là kiêm nhiệm, bởi vậy cũng cần phải có chính sách kích thích vật chất hợp lý để họ yên tâm vừa tham gia sản xuất vừa quản lý bộ phận sản xuất của mình. Các bộ phận nghiên cứu, học hỏi tìm ra được các biện pháp quản lý mang tính đột phá chặt chẽ, linh hoạt đảm bảo hiệu quả kinh tế. Nắm vững mọi chuyển biến của thị trường vận tải, xây dựng các phương án hoạt động phù hợp với thực tế khuyến kích người lao động nhưng cũng phải tăng doanh thu cho Công ty.

Tích cực giáo dục chính trị tư tưởng cho mọi CBNV trong Công ty nhận thức được trách nhiệm của mình đối với Công ty đặc biệt là ý thức đạo đức, trách nhiệm của đội ngũ lái phụ xe trong công tác phục vụ hành khách.

b) Về hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải.

Tăng cường huy động nguồn vốn đầu tư đổi mới phương tiện chất lượng cao trang bị cho các tuyến trọng điểm. Phấn đấu trong nhiệm kỳ tới phải đầu tư được các phương tiện chất lượng cao loại 2 tầng để phục vụ các tuyến liên tỉnh phía Nam. Hoàn thiện việc bổ sung phương tiện cho tuyến chất lượng cao Thái Bình – Giáp Bát. Có phương án đầu tư thay thế phương tiện đang hoạt động trên các tuyến liên vận huyện đi Hà Nội.

Mở rộng quy mô và đa dạng hoá hình thức hoạt động vận tải xe buýt, taxi, hợp đồng, chuyển phát nhanh... mở thêm các luồng tuyến có trọng điểm, cắt bỏ những tuyến kinh doanh có hiêu quả thấp.

Tăng cường quản lý hoạt động của các phương tiện bằng công cụ quản lý, thiết bị giám sát để nâng cao hiệu suất phương tiện đồng thời có quy chế khuyến khích về vật chất đối với các phương tiện hoạt động có hiệu quả cao. Xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của công ty. Thí điểm mô hình khoán gọn doanh thu cho tuyến Thái Bình – Đăklăk để từ đó có thể nhân rộng mô hình quản lý này ra các tuyến khác, đảm bảo ổn định doanh thu, tạo tiền đề phát triển SXKD của Công ty trong nhiệm kỳ mới.

Mở thêm ngành nghề phụ trợ cho ngành nghề kinh doanh vận tải chính như kinh doanh dịch vụ ăn uống, cho thuê kiốt, mở của hàng kinh doanh phụ tùng vật tư ôtô.

Đối với vấn đề nợ đọng doanh thu trong lái xe, phải coi đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên trong nhiệm kỳ 2012-2017. Giải quyết dứt điểm những khoản nợ doanh thu của những năm trước bằng các biện pháp: Đối trừ tiền thế chấp nhận xe của lái xe còn nợ, bên cạnh đó Hội đồng xử lý nợ cần có những biện pháp mềm mỏng như động viên, khuyến khích người lao động tự giác giao nộp đầy đủ doanh thu, những trường hợp lái xe cố tình trây ì thì có thể dùng biện pháp mạnh như nhờ sự can thiệp của pháp luật. Kiên quyết không để tình trạng nợ đọng doanh thu tiếp diễn trong nhưng năm tiếp theo.

        c) Về hoạt động của Xưởng BDSC.

Căn cứ vào nhiệm vụ và kế hoạch SXKD hàng năm, các bộ phận liên quan cần  xây dựng kế hoạch BDSC, định mức chi phí vật tư, công lao động, các cấp sửa chữa cho phù hợp với từng chủng loại xe, đầu tư xây dựng cầu nổi sửa xe và rửa xe. Có trách nhiệm triển khai kế hoạch được giao cho từng tổ thợ. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát khi phương tiện vào sửa chữa, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, thời gian và yêu cầu kỹ thuật, không để ảnh hưởng đến nhiệm vụ chung của công ty. Mở thêm ngành nghề phụ trợ tạo việc làm và thu nhập cho người lao động. Có trách nhiệm hạch toán nội bộ, đảm bảo việc làm và các khoản đóng góp theo quy định của Nhà nước cũng như của Công ty. Đảm bảo tuyệt đối công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

d) Về hoạt động dịch vụ, vật tư.

Để đảm bảo phục vụ tốt công tác SXKD vận tải tổ dịch vụ phải đảm bảo đầy đủ, kịp thời lượng nhiên liêu, dầu mỡ và vật tư các loại để cung cấp cho phương tiện của Công ty hoạt động, chủ động có kế hoạch ký hợp đồng với các đơn vị kinh doanh xăng dầu để tạo ổn định về giá cả nhiên liệu. Tìm hiểu thị trường và nhu cầu về vật tư để có kế hoạch cung cấp kịp thời cho các phương tiện khi BDSC các cấp.

1. e)Về vấn đề giải quyết phần lỗ luỹ kế.

Đây là vấn đề rất khó khăn trong tình hình SXKD hiện tại của Công ty đòi hỏi HĐQT,  Ban lãnh đạo cùng tập thể người lao động trong toàn Công ty quyết tâm đẩy mạnh sản xuất trong mọi lĩnh vực: Vận tải, dịch vụ sửa chữa, hoạt động dịch vụ vật tư để kinh doanh có lãi, hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2012-2017 đã đề ra, bù đắp phần lỗ luỹ kế của các năm trước.

1. g)Về vấn đề thoái phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Tiếp tục xây dựng phương án thoái vốn Nhà nước trong năm 2014, chủ động tìm kiếm đối tác trong việc thoái vốn với mục tiêu là thoái phần vốn Nhà nước trong thời gian ngắn nhất mà vẫn giữ được ngành nghề kinh doanh vận tải khách truyền thống, ổn định việc làm và đời sống của người lao động trong Công ty

**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.**

**1, Thuận lợi.**

Năm 2013 có rất nhiều tác động từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và tình hình lạm phát trong nước tăng cao nhưng những dấu hiệu cải thiện vĩ mô rõ rệt vào thời điểm từ giữa năm 2012 đến đầu năm 2013 cũng như các định hướng tái cấu trúc kinh tế, cắt giảm lãi suất, thoái vốn ngoài ngành, tăng hiệu quả đầu tư công... đã mở ra triển vọng tích cực hơn cho nền kinh tế trong năm 2013; GDP của tỉnh Thái Bình cũng đạt được những kết quả khả quan, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn duy trì ở mức ổn định.

Với kinh nghiệm nhiều năm hoạt động SXKD vận tải đến nay Công ty có đội ngũ lái xe có trình độ tay nghề và ý thức trách nhiệm trong xây dựng uy tín của Công ty. Có nhiều tuyến vận tải truyền thống, phục vụ ổn định, có uy tín đối với hành khách. Lực lượng phương tiện của Công ty hoạt động trên các tuyến hầu hết là phương tiện có chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường. UBND tỉnh, Sở GTVT và các cơ quan ban ngành trong, ngoài tỉnh luôn chỉ đạo và tạo điều kiện để Công ty làm tốt chức năng của mình.

Công tác bảo đảm an toàn trong hoạt động vận tải của Công ty luôn được quan tâm hàng đầu nên trong nhiệm kỳ qua không để xảy ra tai nạn giao thông nghiêm trọng nào.

**2, Khó khăn.**

Trong năm qua kinh tế thế giới có nhiều biến động, kinh tế toàn cầu suy thoái, cuộc khủng hoảng tài chính và nợ công của các nước châu Âu đang diễn biến phức tạp đẩy kinh tế thế giới vào những khó khăn mới đã ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế trong nước nói chung và các hoạt động SXKD nói riêng trong đó có hoạt động vận tải hành khách bằng ô tô. Nền kinh tế trong nước tăng trưởng chậm lại, Chính phủ đặt mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Do đó hoạt động đầu tư, nhu cầu xã hội cũng suy giảm rõ rệt. Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn, hoạt động vận tải phải đối mặt với những thách thức to lớn, cạnh tranh diễn ra gay gắt, quyết liệt trong cơ chế thị trường.

Trong nhiệm kỳ của HĐQT 2007-2012, hoạt động điều hành sản xuất của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do biến động của nền kinh tế đặc biệt là những năm 2010, 2011. Doanh thu vận tải giảm mạnh do việc cạnh tranh trong kinh doanh vận tải khách ngày càng khốc liệt, bên cạnh đó chất lượng phương tiện vận tải đã cũ không đáp ứng được thị hiếu của hàng khách, Công ty đã phải thanh lý một loạt những phương tiện cũ với giá thấp trong khi việc đầu tư phương tiện mới lại rất cao (từ 2 đến 3 tỷ đồng/ 1 phương tiện). Chi phí sản xuất đầu vào như xăng dầu, vật tư, phụ tùng phục vụ công tác sửa chữa vận tải, cầu phà bến bãi, lương và các khoản trích theo lương tăng cao trong khi cước vận tải rất khó điều chỉnh. Đây là nguyên nhân chính của việc kinh doanh không mang lại hiệu quả lợi nhuận như mong muốn.

Bước vào đầu năm 2013, Hội đồng quản trị đã quán triệt cùng Ban lãnh đạo Công ty tìm mọi biện pháp, hướng đi để vực lại hoạt động SXKD của Công ty sau những khó khăn chồng chất từ những năm trước. Điều đó đã được hiện thực hóa bằng kết quả SXKD năm 2013, tổng doanh thu tăng cao, lợi nhuận kinh doanh chưa có nhưng đã tiết kiệm chi phí, giảm tối đa mức lỗ trong năm 2013, đó là cả một sự lỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn của HĐQT, Ban lãnh đạo cùng tập thể người lao động trong toàn Công ty.

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc:**

Trong n¨m 2013, Ban Giám đốc công ty đã thực hiện nghiêm túc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty đảm bảo sự phát triển ổn định đúng định hướng.

- Chế độ thông tin, hội họp của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc được duy trì thực hiện nghiêm túc, đối với những vấn đề phát sinh quan trọng Hội đồng quản trị cïng Ban gi¸m ®èc họp đột xuất để bàn bạc giải quyết. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được giữ xuyên suốt, giúp cho Hội đồng quản trị nắm được tình hình để kịp thời lãnh đạo điều chỉnh biện pháp tổ chức kinh doanh.

- Các quy chế quản lý nội bộ như: nội quy lao động, khen thưởng, kỷ luật, chế độ tiền lương, định mức chi phí, quản lý chứng từ hóa đơn .v.v. được Ban Giám đốc công ty quan tâm thực hiện đã nâng cao nhận thức trách nhiệm cho CBNV công  ty.

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị:**

**a, Thành viên Hội đồng quản trị :**

**\* Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2007- 2012:**

+ Ông Phan Thế Hùng – Chủ tịch HĐQT

+ Bà Đào Thị Tuyết Thanh – Phó chủ tịch HĐQT

+ Ông Nguyễn Văn Đức – Thành viên HĐQT

+ Ông Trần Minh Đức – Thành viên HĐQT

**\* Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm k ỳ 2012-2017:**

+ Ông Phan Thế Hùng – Chủ tịch HĐQT

+ Bà Đào Thị Tuyết Thanh – Phó chủ tịch HĐQT

+ Ông Nguyễn Thành Trung– Phó chủ tịch HĐQT

+ B à Phạm Thị Hương - Thành viên HĐQT

+ Ông Bùi  Duy Hoàn – Thành viên HĐQT

**b, Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Ngày 01/01/2013, Họp Hội đồng quản trị về việc phờ duyệt phướng án sản xuất kinh doanh năm 2013 của Ban giám đốc Công ty.

- Ngày 01/03/2013, Họp Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm TVHĐQT là ông Trần Minh Đức.

- Ngày 01/04/2013, Họp Hội đồng quản trị về việc phê duyệt phương án vay vốn ngắn hạn phục vụ SXKD tại NH Ngoại thương CN Thái Bình

- Ngày 30/05/2013, Họp Hội đồng quản trị về việc củng cố lại tuyến Thỏi Bỡnh – Giỏp Bỏt.

- Ngày 01/07/2013, Họp Hội đồng quản trị về việc thông qua báo cáo tình hình SXKD của công ty 6 tháng đầu năm 2013.

- Ngày 02/08/2013, Họp Hội đồng quản trị về việc thông qua đề cử danh sỏch nhân sự HĐQT, BKS, người đại diện vốn NN.

- Ngày 16/09/2013, Họp Hội đồng quản trị về việc thông qua Phê duyệt dự án đầu tư phương tiện bổ sung tuyến Thái Bình – Giáp Bát.

- Ngày 05/11/2013, Họp Hội đồng quản trị về việc thông qua tài liệu chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2012-2017.

- Ngày 25/11/2013, Họp Hội đồng quản trị về việc thông qua Tờ trình các nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2012-2017.

- Ngày 23/12/2013, Họp Hội đồng quản trị về việc bầu chủ tịch, phó chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017 và Giám đốc điều hành.

- Ngày 31/12/2013, Họp Hội đồng quản trị về việc điều chỉnh cổ phiếu quỹ tại báo cáo tài chính năm 2013.

**2. Ban kiểm soát:**

**a, Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:**

**\* Nhiệm kỳ 2007-2012:**

+ Ông Trần Danh Thiết : Trưởng ban

+ Ông Phạm Ngọc Chiển : Thành viên BKS

+ Ông Nguyễn Kim Tuyến : Thành viên BKS

**\* Nhiệm kỳ 2012-2017:**

+ Ông Nguyễn Minh Ngọc: Trưởng ban

+ Ông Phạm Ngọc Chiển : Thành viên BKS

+ Ông Nguyễn Anh Tuấn : Thành viên BKS

**b, Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Ngày 15/04/2013, Họp Ban kiểm soát thông qua kết quả SXKD quý 1/2013 đã được kiểm soát.

- Ngày 01/07/2012, Họp Ban kiểm soát thông qua kết quả SXKD quý 2/2013 đã được kiểm soát.

- Ngày 05/10/2013, Họp Ban kiểm soát thông qua kết quả SXKD quý 3/2013 đã được kiểm soát.

- Ngày 06/11/2013, Họp Ban kiểm soát về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2012-2017, thông qua báo cáo của Ban kiểm soát sẽ trình bày trước Đại hội.

- Ngày 31/12/2013, Họp Ban kiểm soát tổng kết hoạt động của HĐQT và Ban KS trong năm 2013, Kiểm soát kết quả hoạt động SXKD năm 2013.

**3. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

-  Tổng thï lao cho thành viên HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2013 là 50.000.000 đồng. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm phân phối thù lao trên cho từng thành viên HĐQT, BKS.

|  |
| --- |
| **CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH THÁI BÌNH**      **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  **CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013** |

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **TRANG** |
|  |  |
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 02 – 03 |
|  |  |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 04 – 05 |
|  |  |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 06 – 07 |
|  |  |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 08 |
|  |  |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 09 |
|  |  |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 10 – 30 |

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Thái Bình (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ông Phan Thế Hùng | Chủ tịch |  |
| Bà Đào Thị Tuyết Thanh | Phó Chủ tịch |  |
| Ông Nguyễn Thành Trung | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 23/12/2013 |
| Bà Phạm Thị Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 23/12/2013 |
| Ông Trần Minh Đức | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 23/12/2013 |
| Ông Bùi Duy Hoàn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 23/12/2013 |
| Ông Nguyễn Văn Đức | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 23/12/2013 |

**Ban Giám đốc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ông Bùi Duy Hoàn | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 23/12/2013 |
| Ông Phan Thế Hùng | Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 23/12/2013 |
| Ông Bùi Duy Hoàn | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 23/12/2013 |

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

* Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

* Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

* Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

* Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

* Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;

* Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

*(Đã ký)                                                         (Đã ký)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bùi Duy Hoàn**  **Giám đốc**  *Thái Bình, ngày 03 tháng 3 năm 2014* |  | **Phan Thế Hùng**  **Chủ tịch HĐQT - Nguyên Giám đốc** |

Số:  17/2014/BCTC-VAHP

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:   Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Xe khách Thái Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xe khách Thái Bình (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 03/3/2014, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xe khách Thái Bình tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*( Đãký)                                                                                      (Đã ký)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tạ Văn Việt** |  | **Nguyễn Thị Hoa** |
| **Giám đốc** |  | **Kiểm toán viên** |
| Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0045-2013-055-1 |  | Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  0804-2013-055-1 |
| **Thay mặt và đại diện**  **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**  *Hải Phòng, ngày 03 tháng 3 năm 2014* | | |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**Mẫu số B 01 - DN**

Đơn vị tính: VND

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**Mẫu số B 01 - DN**

Đơn vị tính: VND

*Thái Bình, ngày 03 tháng 3 năm 2014*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Nguyên Giám đốc** | **Giám đốc** |
| *(Đã ký)* | *(Đã ký)* | *(Đã ký)* | *(Đã ký)* |
| **Đào Thị Tuyết Thanh** | **Đào Thị Tuyết Thanh** | **Phan Thế Hùng** | **Bùi Duy Hoàn** |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Năm 2013**

**Mẫu số B 02 - DN**

Đơn vị tính: VND

*Thái Bình, ngày 03 tháng 3 năm 2014*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Nguyên Giám đốc** | **Giám đốc** |
| *(Đã ký)* | *(Đã ký)* | *(Đã ký)* | *(Đã ký)* |
| **Đào Thị Tuyết Thanh** | **Đào Thị Tuyết Thanh** | **Phan Thế Hùng** | **Bùi Duy Hoàn** |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**(Theo phương pháp gián tiếp)**

**Năm 2013**

Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

*Số thuyết minh áp dụng cho cột số liệu năm 2013*

*Thái Bình, ngày 03 tháng 3 năm 2014*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Nguyên Giám đốc** | **Giám đốc** |
| *(Đã ký)* | *(Đã ký)* | *(Đã ký)* | *(Đã ký)* |
| **Đào Thị Tuyết Thanh** | **Đào Thị Tuyết Thanh** | **Phan Thế Hùng** | **Bùi Duy Hoàn** |

1. **1.THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

***Hình thức sở hữu vốn***

Công ty Cổ phần Xe khách Thái Bình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1767/2000/QĐ-UB ngày 25/02/2000 của Uỷ ban nhân dân Tỉnh Thái Bình về việc chuyển Công ty Vận tải ô tô khách Thái Bình thành Công ty Cổ phần Xe khách Thái Bình. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 080300005 ngày 03/01/2001, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 28/6/2002, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 07/6/2004, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 01/10/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ:                                 14.125.054.116 VND

Mệnh giá cổ phần:                                  100.000 VND

***Ngành nghề kinh doanh***

-         Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa và du lịch bằng ô tô;

-         Kinh doanh dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng và đóng mới bệ ô tô khách;

-         Kinh doanh dịch vụ đại lý bán phụ tùng vật tư kỹ thuật ô tô, xe máy;

-         Kinh doanh dịch vụ đại lý xăng, dầu, mỡ các loại;

-         Thiết kế các loại phương tiện vận tải từ 24 ghế đến 50 ghế;

-         Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định;

-         Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;

-         Thiết kế, lắp ráp xe tải và xe nông dụng có trọng tải từ 1,5 tấn đến 5 tấn;

-         Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 167 Trần Thái Tông, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

1. **2.KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

1. **3.CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

1. **4.TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**4.1**       **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2**  **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.3**  **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

­­

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền năm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí tương ứng (giá vốn) của hoạt động vận tải được xác định bằng tỷ lệ % trên doanh thu bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**4.4**       **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ những tài sản đã được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Thời gian trích khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Năm 2013** |
|  | **Số năm** |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 20 |
| Máy móc thiết bị | 05 - 10 |
| Phương tiện vận tải | 06 - 10 |
| Dụng cụ quản lý | 03 - 06 |

**4.5**  **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh và được phản ánh trên chỉ tiêu chi phí tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.6**       **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian hữu ích ước tính, bao gồm:

-         Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí in vé ô tô và chi phí sửa chữa nhà làm việc được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong 36 tháng. Đối với các công cụ dụng cụ chuyển sang từ các tài sản cố định hữu hình có nguyên giá không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được phân bổ 36 tháng kể từ ngày tháng 6/2013.

**4.7**  **Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay và các khoản chi phí phải trả khác.

Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả khác là chi phí tiền điện và điện thoại được ước tính dựa trên chi phí thực tế phát sinh năm 2013 nhưng hóa đơn chứng từ phát hành năm 2014.

**4.8**    **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp của các cổ đông trong và ngoài Công ty, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm cả giá mua và chi phí liên quan đến việc mua lại.

**4.9**  **Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời, Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu của hoạt động vận tải được ghi nhận theo doanh số khoán cho các lái xe theo từng tuyến đường.

Doanh thu xe liên doanh được ghi nhận căn cứ theo quy định trong hợp đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**4.10**  **Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay được ghi nhận trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ.

**4.11**  **Thuế**

Năm 2013, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty bằng không do kết quả hoạt động kinh doanh là lỗ.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty không xác định thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng do Công ty chưa dự tính được kết quả hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.12**  **Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm  yết.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay và các công cụ tài chính phái sinh.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời

**4.13**  **Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Ông Phan Thế Hùng là Chủ tịch Hội đồng quản trị, nguyên Giám đốc, người ra quyết đinh các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Bà Đào Thị Tuyết Thanh, Ông Nguyễn Thành Trung, Bà Nguyễn Thị Hương là thành viên trong Hội đồng quản trị. Ông Bùi Duy Hoàn là Giám đốc Công ty, thành viên Hội đồng quản trị. Theo đó, Ông Phan Thế Hùng, Ông Bùi Duy Hoàn, Bà Đào Thị Tuyết Thanh, Ông Nguyễn Thành Trung, Bà Nguyễn Thị Hương được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 28.

1. **5.TIỀN**

1. **6.CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

1. **7.DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

1. **8.HÀNG TỒN KHO**

1. **9.THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

1. **10.TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

1. **11.TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại 31/12/2013 là 286.513.971 VND (tại 31/12/2012 là: 413.462.801 VND).

1. **12.CHI PHÍ  TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

1. **13.VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

1. **(1) Số dư vay ngắn hạn tại 31/12/2013 là của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng số 012/050/12/0000313/VCB-TB ngày 25/4/2012.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hạn mức cho vay | : | 2.000.000.000  VND |  |
| Mục đích sử dụng tiền vay | : | Thanh toán các chi phí kinh doanh vận tải hành khách | |
| Lãi suất cho vay | : | Theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thái Bình tại thời điểm rút vốn và cố định trong thời hạn hiệu lực của từng giấy nhận nợ | |
| Lãi suất quá hạn | : | 150% lãi suất trong hạn | |
| Hình thức đảm bảo tiền vay | : | Cho vay có đảm bảo bằng tài sản thế chấp, bao gồm:  - Hợp đồng thế chấp tài sản số 120043/VCB-TB ngày 21/3/2012  - Hợp đồng thế chấp tài sản số 110403/VCB-TB ngày 21/7/2011  - Hợp đồng thế chấp tài sản số 110173/VCB-TB ngày 02/3/2011  - Hợp đồng thế chấp tài sản số 110425/VCB-TB ngày 01/7/2010  - Hợp đồng thế chấp tài sản số 090020/VCB - B ngày 16/01/2009  - Hợp đồng thế chấp tài sản số 120746/VCB-TB ngày 19/12/2012 | |

**(2) Xem thêm tại thuyết minh số 17.**

1. **14.THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

1. **15.CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

1. **16.CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

1. **17.PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

**(\*)**: Tiền đặt cọc của lái xe.

1. **18.VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

**(\*) Bao gồm các hợp đồng vay:**

***(*1) Hợp đồng tín dụng số 021/050/10/0000519/VCB-TB ngày 28/7/2010**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số tiền cho vay | : | 1.000.000.000 VND |  | |
| Thời hạn cho vay | : | 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên | | |
| Mục đích sử dụng tiền vay | : | Thanh toán chi phí đầu tư phương tiện vận tải hành khách (mua ô tô) | | |
| Lãi suất cho vay | : | Áp dụng theo thông báo của Ngân hàng tại từng lần rút vốn và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ | | |
| Hình thức đảm bảo tiền vay | : | Thế chấp tài sản. TSCĐ thế chấp là 02 xe ô tô biển số  17K-1081 và 17K-8377 | | |
| Số dư vay tại ngày 31/12/2013 | : | 350.000.000 VND | |  |
| Số phải trả trong năm 2014 | : | 200.000.000 VND | |  |
|  |  |  |  |  |

**(2) Hợp đồng tín dụng số 021/050/11/0000505/VCB-TB ngày 29/7/2011**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số tiền cho vay | : | 1.400.000.000 VND |  | |
| Thời hạn cho vay | : | 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên | | |
| Mục đích sử dụng tiền vay | : | Thanh toán chi phí đầu tư phương tiện vận tải hành khách (mua ô tô) | | |
| Lãi suất cho vay | : | Áp dụng theo thông báo của Ngân hàng tại từng lần rút vốn và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ | | |
| Hình thức đảm bảo tiền vay | : | Thế chấp tài sản. TSCĐ thế chấp là 02 xe ô tô biển số  17K-000.70 và 17K-001.59 | | |
| Số dư vay tại ngày 31/12/2013 | : | 807.280.000 VND | |  |
| Số phải trả trong năm 2014 | : | 292.000.000 VND | |  |
|  |  |  |  |  |

**(3): Hợp đồng tín dụng số 021/050/12/0000072/VCB-TB ngày 23/02/2012**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số tiền cho vay | : | 3.408.000.000 VND |  | |
| Thời hạn cho vay | : | 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên | | |
| Mục đích sử dụng tiền vay | : | Thanh toán chi phí đầu tư phương tiện vận tải hành khách (mua ô tô) | | |
| Lãi suất cho vay | : | Áp dụng theo thông báo của Ngân hàng tại từng lần rút vốn và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ | | |
| Hình thức đảm bảo tiền vay | : | Thế chấp tài sản. TSCĐ thế chấp là 02 xe ô tô biển số  17B-001.81 và 17B- 001.82 | | |
| Số dư vay tại ngày 31/12/2013 | : | 2.334.000.000 VND | |  |
| Số phải trả trong năm 2014 | : | 716.000.000 VND | |  |
|  |  |  |  |  |

**(4): Hợp đồng tín dụng số 021/050/12/0000482/VCB-TB ngày 10/10/2013**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số tiền cho vay | : | 1.000.000.000 VND |  | |
| Thời hạn cho vay | : | 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên | | |
| Mục đích sử dụng tiền vay | : | Thanh toán chi phí đầu tư phương tiện vận tải hành khách (mua ô tô) | | |
| Lãi suất cho vay | : | Áp dụng theo thông báo của Ngân hàng tại từng lần rút vốn và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ | | |
| Hình thức đảm bảo tiền vay | : | Thế chấp tài sản. TSCĐ thế chấp là 01 xe ô tô biển số  17B-006.64 | | |
| Số dư vay tại ngày 31/12/2013 | : | 1.000.000.000 VND | |  |
| Số phải trả trong năm 2014 | : | 150.000.000 VND | |  |
|  |  |  |  |  |

**(5): Hợp đồng tín dụng số 021/050/12/0000587/VCB-TB ngày 20/12/2013**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số tiền cho vay | : | 1.000.000.000 VND |  | |
| Thời hạn cho vay | : | 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên | | |
| Mục đích sử dụng tiền vay | : | Thanh toán chi phí đầu tư phương tiện vận tải hành khách (mua ô tô) | | |
| Lãi suất cho vay | : | Áp dụng theo thông báo của Ngân hàng tại từng lần rút vốn và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ | | |
| Hình thức đảm bảo tiền vay | : | Thế chấp tài sản. TSCĐ thế chấp là 01 xe ô tô biển số  17B-007.99 | | |
| Số dư vay tại ngày 31/12/2013 | : | 1.000.000.000 VND | |  |
| Số phải trả trong năm 2014 | : | 150.000.000 VND | |  |
|  |  |  |  |  |

1. **19.VỐN CHỦ SỞ HỮU**

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

(\*) Trong năm, Công ty quyết định thu hồi lại tiền đã mua cổ phiếu của các cổ đông tương ứng với số cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại từ các năm 2007 đến năm 2011 không đáp ứng đủ điều kiện về nguồn vốn mua lại cổ phiếu quỹ theo quy định.

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

CỔ PHIẾU

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

1. **20.DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**
2. **21.GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

1. **22.DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍ**

1. **23.CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

1. **24.LỢI NHUẬN KHÁC**

1. **25.CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

1. **26.LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

1. **27.CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾ THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Ngày 21/01/2014, Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 4 do Ông Bùi Duy Hoàn được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty theo Quyết định số 263/QĐ-CTCPXK ngày 23/12/2013 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2013 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

1. 28.**THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**
2. **29.BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động: bộ phận bán hàng và bộ phận cung cấp dịch vụ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận bán hàng: phân phối nhiên liệu

Bộ phận cung cấp dịch vụ: các dịch vụ vận tải và một số dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Năm 2013**

**Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2013**

Đơn vị tính: VND

**Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013**

Đơn vị tính: VND

*Chi tiêu Giá vốn hàng bán, chi phí và lợi nhuận không tập hợp riêng được theo từng bộ phận kinh doanh.*

**Năm 2012**

**Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2012**

Đơn vị tính: VND

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012**

Đơn vị tính: VND

*Chi tiêu Giá vốn hàng bán, chi phí và lợi nhuận không tập hợp riêng được theo từng bộ phận kinh doanh.*

1. **30.CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.12.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

* **Rủi ro thị trường**

-   *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 31/12/2013, lãi suất của các khoản vay trung và dài hạn đã được cố định ở mức 12 %/năm cho tới ngày thanh toán, do đó Công ty không chịu rủi ro lãi suất.

* **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

-   *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

*Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá*

Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các khoản tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

* **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

* **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng đối với phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

1. **31.SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng.

*Thái Bình, ngày 03 tháng 3 năm 2014*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Nguyên Giám đốc** | **Giám đốc** |
| *(Đã ký)* | *(Đã ký)* | *(Đã ký)* | *(Đã ký)* |
| **Đào Thị Tuyết Thanh** | **Đào Thị Tuyết Thanh** | **Phan Thế Hùng** | **Bùi Duy Hoàn** |

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nguyên giám đốc**  *(Đã ký)*  ***Phan Thế Hùng*** | **Giám đốc**  *(Đã ký)*  ***Bùi Duy Hoàn*** |